

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ  
“V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp  
luật và công nhận quan hệ hôn nhân”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thanh Miện, ngày 15 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Ông **Bùi Xuân Thành**.

***Thư ký phiên họp:*** Ông **Đào Quang Khuyến** -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:*** Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-VDS, ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2020/QĐST-VDS ngày 01 tháng 9 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đức M - Chủ tịch UBND xã C, huyện T, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Hữu T, sinh ngày 15/8/1975 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/10/1982;

HKTT: thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H.

*Anh T có mặt; ông M, chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

UBND xã C, huyện T, tỉnh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị H vì xác định: Trong giấy chứng nhận kết hôn số 14/1999 ngày 08 tháng 9 năm 1999 của UBND xã C ghi anh Nguyễn Hữu T, sinh tháng 8/1975 kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 không đúng với ngày, tháng, năm sinh của chị H được thể hiện tại căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, trích lục khai sinh ghi chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/10/1982; anh Nguyễn Hữu T, sinh ngày 15/8/1975. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 08/9/1999, anh T đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị H được 16 tuổi 10 tháng 09 ngày chưa đủ tuổi kết hôn. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Để

đủ tuổi đăng ký kết hôn chị H khai sinh năm 1981 là không đúng với năm sinh thực tế của chị H, nguyên nhân do sơ suất của cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn căn cứ vào lời khai của anh T, chị H mà không yêu cầu xuất trình chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để kiểm tra, đối chiếu cho chính xác dẫn đến việc đăng ký kết hôn trái pháp luật. UBND xã C, đại diện là ông Nguyễn Đức M, Chủ tịch UBND xã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T, chị H.

Anh T, chị H khi biết UBND xã C, huyện T có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh chị, anh chị cũng xác định việc kết hôn giữa anh và chị, thời điểm đăng ký kết hôn chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi, anh chị đồng ý với yêu cầu của UBND xã C, huyện T và không có ý kiến gì. Việc ghi chị H, sinh năm 1981 trong Giấy chứng nhận kết hôn là do chị H khai với cán bộ Tư pháp để được đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung là [Nguyễn Thị H1, sinh ngày 05/9/1999](#) và [Nguyễn Hữu H2, sinh ngày 10/3/2005](#). Hiện tại anh chị chung sống hạnh phúc, có hai con chung và có tài sản chung, chỉ vì năm sinh của chị H ghi trong giấy chứng nhận kết hôn và năm sinh của chị H ghi trong trích lục khai sinh, căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình không khớp nhau dẫn đến cuộc sống của gia đình anh chị bị ảnh hưởng vì vậy anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Điều 5; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của UBND xã C, huyện T, tỉnh H đối với anh [Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị H](#).

+ Chấp nhận yêu cầu của anh T, chị H: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh [Nguyễn Hữu T, sinh ngày 15/8/1975](#) và chị [Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/10/1982](#) kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 29/10/2000.

- Về lệ phí: UBND xã C, huyện T, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

Anh T, chị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện nhận định:

[1] *Về Tố tụng và Thẩm quyền giải quyết:* Anh **Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị H** đều có hộ khẩu thường trú: thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H. UBND xã C, huyện T, cấp Giấy chứng nhận kết hôn **số 14/1999 ngày 08 tháng 9 năm 1999** khi chị H chưa đủ tuổi kết hôn là trái pháp luật vì vậy UBND xã C, huyện T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T, chị H. Anh T, chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, căn cước công dân, trích lục khai sinh đã có đủ căn cứ chứng minh tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 08/9/1999, anh T, sinh ngày 15/8/1975 đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị H sinh ngày 29/10/1982 được **16 tuổi 10 tháng 09** ngày chưa đủ tuổi kết hôn, do vậy chị H đã khai sinh năm 1981 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch như giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của anh T, chị H, UBND xã C, huyện T đã đăng ký kết hôn cho anh T, chị H, tại giấy chứng nhận kết hôn **số 14/1999 ngày 08 tháng 9 năm 1999**, ghi họ tên vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 không đúng với năm sinh thực tế của chị H là sinh năm 1982. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 08/9/1999 chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc UBND xã C, huyện T đã đăng ký kết hôn cho anh T, chị H là trái với quy định của pháp luật. Do vậy UBND xã C, huyện T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 5, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy vậy tại thời điểm yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh T, chị H đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, tài sản chung nhưng vì năm sinh của chị H không khớp nhau đã ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, chị và các con. Anh T, chị H đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của

pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn là ngày 29/10/2000. Ủy ban nhân dân xã C, huyện T có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của anh T, chị H theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 3, điều 30, 31 Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

Về con chung, tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Chị Nguyễn Thị H**, sinh ngày **29/10/1982** (thể hiện tại Trích lục khai sinh, Căn cước công dân và sổ hộ khẩu gia đình) nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn ghi sinh năm 1981, chị H đã có đơn đề nghị và được UBND xã C xác nhận là của cùng một người.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã C, huyện T, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh **T và chị H** có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 điều 3, Điều 8, 10, 11, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**1.** Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh H đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh **Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị H**.

Chấp nhận yêu cầu của anh T, chị H: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày **15/8/1975** và **chị Nguyễn Thị H**, sinh ngày **29/10/1982** đều trú tại thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H kể từ thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 29/10/2000.

Anh **Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị H** có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

**2.** Về lệ phí: UBND xã C, huyện T, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

Anh **Nguyễn Hữu T** và chị **Nguyễn Thị H** phải nộp số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0003219 ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Người yêu cầu vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Những người yêu cầu;
- Lưu Hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

**Bùi Xuân Thành**